

MỤC LỤC

Chương I. Những quy định chung (Điều 1, Quy chế mẫu)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. Đại hội đồng cổ đông (Điều 2, Quy chế mẫu)

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 7. Trình tự họp, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Chương III. Hội đồng quản trị (Điều 3, Quy chế mẫu)

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 12. Thù lao, lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 13. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 14. Các tiểu ban, ban/tổ thuộc Hội đồng quản trị

Điều 15. Người phụ trách quản trị

Chương IV. Ban kiểm soát (Điều 4, Quy chế mẫu)

Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

Chương V. Giám đốc (Điều 5, Quy chế mẫu)

Điều 18. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc

Chương VI. Các hoạt động khác (Điều 6, Quy chế mẫu)

Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Giám đốc

Điều 21. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

Chương VII. Hiệu lực thi hành (Điều 7, Quy chế mẫu)

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Số: /QC-NST

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ Quản trị Công ty Cổ phần Ngân Sơn

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Ngân Sơn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: /NQ-NST ngày tháng năm 2021 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Ngân Sơn, bao gồm các nội dung sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Ngân Sơn quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ quản lý và người lao động của Công ty Cổ phần Ngân Sơn.

b) Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Ngân Sơn.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Điều 12 Điều lệ Công ty

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp, Điều 15 Điều lệ Công ty

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 141 Luật Doanh nghiệp

3. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 140 Luật DN, khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty

4. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp

5. Ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Điều 18 Điều lệ Công ty

6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông (theo Thông báo triệu tập họp hàng năm của Công ty)

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 145 Luật doanh nghiệp, Điều 19 Điều lệ Công ty

8. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 147 Luật doanh nghiệp, Điều 21 Điều lệ Công ty

10. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu

11. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Thực hiện theo Điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 3, 4 Điều 21 Điều lệ Công ty

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi có kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu, thông báo trực tiếp kết quả tại Đại hội đồng cổ đông.

13. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 151 Luật doanh nghiệp, Điều 24 Điều lệ Công ty

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp, Điều 23 Điều lệ Công ty

15. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo khoản 4 Đ23 Điều lệ mẫu

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Điều 22 Điều lệ Công ty

**Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 27 Điều lệ Công ty

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị - 154

Thực hiện theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp, khoản 1, 2, 3 Điều 26 Điều lệ Công ty

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị - Đ 25, TT116

Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được đăng trên cổng thông tin điện tử của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán..

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp, Điều 28 Điều lệ Công ty

Điều 10. Thù lao, lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp, Điều 43 Điều lệ Công ty

Điều 11. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Thực hiện Điều 157 Luật doanh nghiệp, Điều 29 Điều lệ Công ty

Điều 12. Các tiểu ban; ban/tổ thuộc Hội đồng quản trị

1. Các tiểu ban và việc thành lập các tiểu ban

Thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty

3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Tiểu ban Hội đồng quản trị tối thiểu 03 người. Nhiệm kỳ của Tiểu ban không quá 5 năm và được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban: Thành viên các tiểu ban gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ của từng tiểu ban được phụ trách. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đề cử các thành viên trong tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các ứng viên phải đủ tiêu chuẩn theo điểm a khoản 3 Điều này. Danh sách bầu cử phải được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua trước khi thực hiện bầu cử;

- Cách thức bầu cử: Bằng hình thức biểu quyết giơ tay tại cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên tiểu ban: các thành viên không đủ tiêu chuẩn theo điểm a khoản 3 Điều này; Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các tiểu ban và thành viên tiểu ban hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Nghị quyết thành lập Tiểu ban của Hội đồng quản trị.

4. Ban/Tổ giúp việc cho Hội đồng quản trị (hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị)

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban/Tổ giúp việc cho Hội đồng quản trị để tham mưu, đề xuất, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong

việc đưa ra những chủ trương, quyết sách về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Ban/Tổ giúp việc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Nghị quyết thành lập Ban/ Tổ giúp việc của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Người phụ trách quản trị

Thực hiện theo Điều 32 Điều lệ Công ty

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – 170

Thực hiện theo Điều 170 Luật doanh nghiệp, Điều 40 Điều lệ Công ty

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên – 173

Thực hiện theo Điều 170 Luật doanh nghiệp

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên - 169

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Thực hiện theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

Thực hiện theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1, 2 Điều 35 Điều lệ Công ty

3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

Thực hiện theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Nghị quyết bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Thực hiện theo Điều 172, Điều 41 Điều lệ Công ty

Chương V GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc - 162

Thực hiện theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Công ty

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc

Thực hiện theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Công ty

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các nội dung trên thực hiện theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Công ty

5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Thực hiện theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp

Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thực hiện theo khoản 6 Điều 27, Khoản 3 Điều 40 Điều lệ Công ty

2. Các trường hợp Ban kiểm soát, Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề xin ý kiến Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty

3. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo định kỳ quý, 06 tháng, năm (**theo thực tế**).

b) Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc và các cán bộ quản lý khác báo cáo đột xuất về thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của chức danh đó theo Khoản 6 Điều 27 Điều lệ Công ty

4. Định kỳ quý, 6 tháng, năm, Giám đốc tổ chức họp Ban giám đốc để kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (theo thực tế).

5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (theo thực tế)

a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ Công ty.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.

c) Trường hợp cấp bách, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có thể thông tin nhanh (trao đổi trực tiếp, điện thoại, Email) lẫn nhau để giải quyết công việc hiệu quả.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

Thực hiện theo Điều lệ, Quy chế thi đua khen thưởng, Nội quy kỷ luật lao động của Công ty

Chương VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm có 6 chương 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản trị chưa được đề cập trong nội dung Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản của Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng tại Công ty.

4. Mọi sửa đổi bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị thực hiện và đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Nam Giang